

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VÂN HỒ
TỈNH SƠN LA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2018/HS-ST
Ngày 05/7/2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VÂN HỒ - TỈNH SƠN LA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hiếu.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Quách Công Cầm

Bà Trần Thị Thu Thủy

-Thư ký phiên tòa: Bà Hà Phương Giang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vân Hồ, tỉnh Sơn La.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vân Hồ - tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 56/2018/TLST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 60/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Vì Văn Tr; tên gọi khác: Không; sinh năm 1999 tại huyện V, tỉnh Sơn La; Nơi cư trú: Bản Kh, xã M, huyện V, tỉnh Sơn La; nghề nghiệp: Trồng trọt; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vì Văn H, sinh năm 1977 và bà Vì Thị B, sinh năm 1980, bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Ngày 29/11/2017 bị tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La xử phạt 09 tháng cải tạo không giam giữ về tội trộm cắp tài sản, thời gian chấp hành cải tạo không giam giữ được tính từ ngày UBND nơi thường trú của bị cáo nhận được Quyết định thi hành bản án và Bản án sao của Tòa án; tiền sự: Không; Bị cáo được tại ngoại cho đến nay. Có mặt.

Người bị hại: Bà Hà Thị Y, sinh năm 1966; Trú tại: Bản Đ, xã Ch, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Vì Văn H, sinh năm 1977; Trú tại: Bản Kh, xã M, huyện V, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Người Làm chứng: Anh Mùi Văn Kh, sinh năm 1999; Trú tại: Bản H, xã V, huyện V, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 21 giờ ngày 23/01/2018 Vì Văn Tr điều khiển xe máy BKS: 26H3-5347 của bố đẻ là Vì Văn H, sinh năm 1977 cùng Vì Văn B, sinh năm 2000, Vì Thế A, sinh năm 2000 đều trú tại bản Kh, xã M, huyện V, tỉnh Sơn La đi chơi lễ hội Hoa Ban tại xã Ch, huyện V. Khoảng 22 giờ cùng ngày Tr, B, A vào quán của bà Hà Thị Y, sinh năm 1966, tại bản Đ, xã Ch, huyện V, tỉnh Sơn La uống rượu cùng Mùi Văn Kh, sinh năm 1999, Mùi Minh Q, sinh năm 1999 cùng trú tại bản H, xã V, huyện V, tỉnh Sơn La. Trong lúc mọi người đang uống rượu, Tr đi vệ sinh, khi đi qua phòng ngủ của Hà Thị Y, thì thấy tại dưới đệm cuối giường ngủ có một tờ tiền mệnh giá 20.000 đồng thò ra ngoài, Tr nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên vào phòng ngủ của bà Hà Thị Y lật đệm lên thấy có nhiều tờ tiền mệnh giá khác nhau. Tr nhặt các tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 20.000 đồng, 10.000 đồng cất giấu vào túi quần rồi ra ngoài điều khiển xe máy đi ra khu vực lễ hội Hoa Ban tại xã Ch, huyện V. Tr mua đồ ăn và chơi hết 350.000 đồng, mua một chai nước hết 10.000 đồng. Sáng ngày 24/3/2018, Tr đếm số tiền trộm cắp còn lại là 400.000 đồng, đến chiều cùng ngày Tr mua xăng hết 22.000 đồng và đi chơi tại xã Ch. Sau khi phát hiện bị mất tài sản bà Hà Thị Y nghi ngờ Vì Văn Tr là người trộm cắp tiền của gia đình nên đã có đơn trình báo lên công an xã Ch và Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V, đề nghị điều tra làm rõ, khi Vì Văn Tr đang chơi tại lễ hội Hoa Ban thì Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V yêu cầu về trụ sở làm rõ sự việc. Vì Văn Tr đã giao nộp số tiền còn lại 378.000 đồng cho Cơ quan điều tra.

Ngày 24/03/2018 Cơ quan điều tra thu giữ của Vì Văn Tr 01 chiếc xe máy BKS 26H3-5347 và 01 giấy đăng ký xe máy mang tên Vũ Ngọc N. Xét thấy việc trả lại chiếc xe máy không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Ngày 20/4/2018 Cơ quan Công an huyện V đã quyết định giao trả lại chiếc xe máy và 01 giấy đăng ký xe máy mang tên Vũ Ngọc N cho Vì Văn H là chủ sở hữu hợp pháp của chiếc xe quản lý sử dụng.

Về bồi thường dân sự: Ngày 20/04/2018 Vì Văn Tr đã giao nộp số tiền là 382.000 đồng cho cơ quan cảnh sát điều tra để khắc phục hậu quả. Ngày 02/5/2018 cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện V đã quyết định giao trả lại tổng số tiền 760.000 đồng cho bà Hà Thị Y quản lý sử dụng. Bà Hà Thị Y không đề nghị Vì Văn Tr phải bồi thường thêm khoản tiền nào khác.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận đã thực hiện hành vi phạm tội như đã nêu ở trên, bị cáo đã trộm cắp 760.000 đồng của chị Hà Thị Y để tiêu sài cá nhân.

Tại bản cáo trạng số 26/CT-VKS ngày 16/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La đã truy tố bị cáo Vì Văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát huyện V giữ nguyên quyết định truy tố về tội danh và điều luật áp dụng như nội dung cáo trạng;

qua phân tích, đánh giá tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội và nhân thân bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1 Điều 51, Điều 56 Bộ luật hình sự 2015: Xử phạt bị cáo Vì Văn Tr từ 06 (sáu) tháng tù đến 09(chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với Vì Văn Tr.

Đề nghị chuyển hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại thành hình phạt tù giam.

Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Về vật chứng vụ án: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra trả lại chiếc xe máy cho Ông Vì Văn H là chủ sở hữu hợp pháp.

Về trách nhiệm dân sự: Chấp nhận việc Cơ quan điều tra đã trả lại tài sản trộm cắp cho người bị hại là 760.000 đồng.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến bị cáo: Nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của Viện kiểm sát không có tranh luận gì.

Ý kiến của người bị hại: Nhất trí với quan điểm truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát, số tiền bị cáo trộm cắp bị hại đã được nhận đầy đủ nên không có yêu cầu gì về phần bồi thường thiệt hại. Về phần hình phạt bị hại đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

Ý kiến của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận gì về phần mình có liên quan.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện V, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện V, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố Vì Văn Tr về tội “Trộm cắp tài sản” đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến và khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã được thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về chứng cứ xác định có tội: Tại phiên tòa bị cáo Vì Văn Tr khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện Trường, lời khai của người làm chứng, người bị hại cùng các tài liệu chứng cứ khác thể hiện:

Ngày 23/3/2018 Vì Văn Tr đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản lén lút chiếm đoạt tài sản của bà Hà Thị Y số tiền 760.000 đồng tuy số tiền bị cáo trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng bị cáo phạm tội đang trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Trên cơ sở đó, có đủ căn cứ kết luận bị cáo Vì Văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản điểm b, khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự, như quyết định truy tố và quan điểm luận tội tại phiên tòa của Kiểm sát viên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Tại khoản điểm b, Khoản 1 Điều 173 BLHS quy định: "Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm".

a).....

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 174, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm”.

[3] Về các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội khi đang trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, tuy nhiên số tiền bị cáo trộm cắp dưới 2.000.000 đồng là yếu tố định tội đối với bị cáo. Do đó, bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội bị cáo đã khắc phục hậu quả do mình gây ra đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo là ít nghiêm trọng, xâm phạm sở hữu gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của bị hại. Là hành vi nguy hiểm cho xã hội gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Bị cáo là thanh niên có sức khỏe nhưng lười lao động, đua đòi thích hưởng thụ nên đã bất chấp coi thường pháp luật. Bị cáo phạm tội đang trong thời gian chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thể hiện ý thức chấp hành pháp luật kém. Do vậy, cần cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian, tạo điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người có ích. Chuyển thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ còn lại của bản án số 18/HSST ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân huyện V, tỉnh Sơn La thành hình phạt tù cố 3 ngày cải tạo không giam giữ bằng 1 ngày tù. Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo được tính từ ngày 06/01/2018 là ngày UBND xã M (nơi thường trú của bị cáo) nhận được Quyết định thi hành bản án và bản sao Bản án của Tòa án huyện V. Tính đến ngày phạm tội mới (23/3/2018), bị cáo đã chấp hành được 2 (hai) tháng 17 (mười bảy) ngày cải tạo không giam giữ. Số ngày cải tạo không giam giữ còn lại bị cáo chưa chấp hành đến

thời điểm phạm tội là 06 (sáu) tháng 13 (mười ba) ngày. Chuyển 06 (sáu) tháng 13 (mười ba) ngày cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù là 2 (hai) tháng 4 (bốn) ngày tù và tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của cả hai bản án.

Ngoài hình phạt chính là phạt tù bị cáo Vì Văn Tr còn có thể phải chịu hình phạt bổ sung là phạt tiền. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo không có tài sản nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện V đã thu hồi tài sản do bị cáo chiếm đoạt 378.000 đồng và số tiền bị cáo giao nộp để khắc phục hậu quả là 382.000 đồng, tổng cộng là 760.000 đồng trả lại cho người bị hại bà Hà Thị Y, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về vật chứng của vụ án: Tài sản đã thu giữ và trả lại cho chủ sở hữu, không ai có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

1. Tuyên bố bị cáo Vì Văn Tr phạm tội “Trộm cắp tài sản” .

Xử phạt bị cáo Vì Văn Tr 07 (bảy) tháng tù.

Áp dụng Điều 55, 56 Bộ luật hình sự:

Chuyển thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ còn lại của Bản án số 18/2017/HSST ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân huyện V, tỉnh Sơn La là 6 (sáu) tháng 13 (mười ba) ngày cải tạo không giam giữ thành hình phạt tù là 2 (hai) tháng 4 (bốn) ngày tù (cứ 3 ngày cải tạo không giam giữ là 1 ngày tù). Tổng hợp hình phạt buộc Vì Văn Tr phải chịu hình phạt chung của cả hai bản án: Bản án số 18/2017/HSST ngày 29/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La và bản án số 67/2018/HS-ST của Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Sơn La là 09 (chín) tháng 4 (bốn) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

2. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm a, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh;
- VKSND huyện;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Công an;
- Trại giam;
- THA hình sự;
- THA dân sự;
- Bị cáo;
- Bị hại
- Người có QLNVLQ
- Sở Tư pháp;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

Lê Xuân Hiếu